AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM

SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942

A Member of msi Global Alliance Firms

AASCs

Báo cáo tài chính bán niên
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/06/2021
đã được soát xét

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38.205.944 - Fax: (08) 38.205.942
Website: www.aascs.com.vn E-mail: infor@aascs.com.vn

Mục lục

	Trang
Báo cáo của Ban Quản trị	01 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 06
- Kết quả hoạt động kinh doanh	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Công ty

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006 của UBCK Nhà nước:

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**
Trụ sở chính	: Số 170 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	: 6.800.000.000 (Sáu tỷ tám trăm triệu) đồng.
Loại hình kinh doanh	+ Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán + Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán

Trong quá trình hoạt động công ty đã có một số thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 18/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2008 của UBCK Nhà nước:
Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Quản lý danh mục đầu tư
Người đại diện pháp luật: Lê Mỹ Hà - Tổng Giám đốc

- Giấy phép điều chỉnh số 33/UBCK-GPĐC ngày 02/03/2009 của UBCK Nhà nước:
Vốn điều lệ mới : 25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng)
Địa chỉ trụ sở: 258 Ter Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2011 của UBCK Nhà nước:
Người đại diện pháp luật: Trần Quỳnh Hương - Tổng Giám đốc

- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 09/5/2013 của UBCK Nhà nước:
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Minh Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý
Vốn điều lệ của Công ty: 25.000.000.000 VND (Hai mươi lăm tỷ đồng.)

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2014 của UBCK Nhà nước:
Trụ sở chính : Lầu 1 Lô B39, 128 đường số 2, KDC Kim Sơn, P.Tân Phong, Quận 7, Tp.Hồ Chí

- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 12/08/2015 của UBCK Nhà nước:
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2016 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trụ sở chính : 105 - 107 Trần Văn Dư, P. 13, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 14/9/2017 của UBCK Nhà nước:
Người đại diện pháp luật: Lê Tiến Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kế thúc tại ngày 30/6/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 03/2021/BB-HĐQT ngày 22/02/2021 và số 10/2021/BB-HĐQT ngày 04/06/2021 về việc bổ nhiệm các chức danh Ban Quản trị nhiệm kỳ 2021 -2026 như sau:

Các thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức danh	Nghị quuyết	Ngày bổ nhiệm
- Ông Hồ Hoàng Lâm	Chủ tịch HĐQT	11/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021
- Ông Phan Tấn Thư	Phó Chủ tịch thường trực	04/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên		

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
- Ông Trần Quang Thái	Kế toán trưởng	03/2021/QĐ-HĐQT	24/02/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng ban	01/2021/QĐ-BKS	29/01/2021
- Bà Phạm Thị Phương Hoa	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021
- Bà Bùi Ngọc Ánh	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021

Người đại diện theo pháp luật

Họ tên	Chức danh	Nghị quuyết	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Hoàng Lâm	Chủ tịch HĐQT	11/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 04/06/2021 Đại hội cổ đông bất thường Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép hoạt động với Cơ quan có thẩm quyền.

Ban Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Quản trị Công ty đối với Báo cáo tài chính

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Quản trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2021

TM. Ban Quản trị

S.Q.Đ: 16-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

AASCS
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số : 471.... /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông và Ban Quản trị
Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông, được lập ngày 02 tháng 7 năm 2021, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Quản trị Công ty

Ban Quản trị Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Phương Đông chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán được quy định tại thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái
Giấy CN ĐKHN KTV số: 3779-2018-142-1

Member of

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	**100**		**25.013.585.336**	**17.856.429.687**
I. Tiền và tương đương tiền	**110**	**V.01**	**3.570.621.753**	**1.032.664.887**
1. Tiền	111		3.570.621.753	1.032.664.887
II. Đầu tư ngắn hạn	**120**	**V.02**	**20.027.491.207**	**16.823.464.800**
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		21.005.208.507	16.946.628.900
2. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		(977.717.300)	(123.164.100)
III. Các khoản phải thu	**130**	**V.03**	**1.368.400.000**	**-**
1. Phải thu khách hàng	131		1.357.400.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		11.000.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**V.04**	**47.072.376**	**300.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.072.376	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	300.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**200**		**1.434.910.664**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**517.959.607**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.05**	206.733.800	-
- Nguyên giá	222		223.586.000	152.754.233
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(16.852.200)	(152.754.233)
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.06**	311.225.807	-
- Nguyên giá	228		320.000.000	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(8.774.193)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**916.951.057**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.07**	812.479.457	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	**V.08**	104.471.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**26.448.496.000**	**17.856.429.687**
A . NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**786.979.898**	**22.727.273**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**786.979.898**	**22.727.273**
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.09**	694.718.967	-
6. Chi phí phải trả	316	**V.10**	3.908.438	22.727.273
8. Phải trả, phải nộp khác	319	**V.11**	46.128.061	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		42.224.432	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.12**	**25.661.516.102**	**17.833.702.414**
I. Nguồn vốn	**410**		**25.661.516.102**	**17.833.702.414**
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		35.187.027	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		35.187.027	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		591.142.048	(7.166.297.586)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**26.448.496.000**	**17.856.429.687**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	**6**	**V.02**	**10.015.490.000**	**11.387.490.000**
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		5.925.490.000	11.387.490.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		790.000.000	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		3.300.000.000	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	**20**		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	**30**		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	**40**		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước (CK chưa niêm yết)	41		-	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	**50**		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	**51**		-	-

S.Q.Đ.16-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG
Q.TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Quang Thái
Kế toán trưởng- Người lập

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	**01**		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	**10**		-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.1	11.104.735.848	1.420.188.670
7. Chi phí tài chính	22	V.2	1.024.031.807	803.746.883
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.3	1.525.616.536	533.017.868
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-26	**30**		**8.555.087.505**	**83.423.919**
10. Thu nhập khác	31	V.4	-	-
11. Chi phí khác	32	V.4	16.616.275	-
12. Lợi nhuận khác 40=31-32	**40**		**(16.616.275)**	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**8.538.471.230**	**83.423.919**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.5	668.433.110	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**7.870.038.120**	**83.423.919**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	V.6	**3.131**	**33**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Trần Quang Thái
Kế toán trưởng- Người lập

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	29.382.101.171
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.674.428.777)	(31.053.953.939)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(726.795.292)	(390.389.980)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	200.000.000
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(144.754.906)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(2.545.978.975)**	**(2.062.242.748)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(581.162.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.100.000	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.765.093.000)	(33.573.878.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.152.723.000	35.306.104.240
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		276.367.841	391.708.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**5.083.935.841**	**4.723.934.228**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**2.537.956.866**	**2.661.691.480**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.032.664.887**	**1.128.467.038**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**3.570.621.753**	**3.790.158.518**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Trần Quang Thái
Kế toán trưởng- Người lập

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
			Kỳ trước		Kỳ này			
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Kỳ này
n đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
ặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
n khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
ênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
ênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
ỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
ỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
c Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữ	-	-	-	-	35.187.027	-	-	35.187.027
ợi nhuận chưa phân phối	(7.847.817.643)	(7.166.297.586)	681.520.057	-	35.187.027	-	-	35.187.027
					7.870.038.120	(112.598.486)	(7.166.297.586)	591.142.048
	17.152.182.357	**17.833.702.414**	**681.520.057**	**-**	**7.940.412.174**	**(112.598.486)**	**17.833.702.414**	**25.661.516.102**

Quang Thái
ấn trưởng- Người lập

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh Dịch vụ tài chính

3. Ngành nghề kinh doanh

Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên 09 người

Trong đó

- Nhân viên quản lý 02 người
- Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và phân tích tài chính: 06 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ quản lý quỹ đăng ký hoạt động tại ngày 30/06/2021 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Chức vụ	Phòng/Ban/Bộ phận làm việc
1	Nguyễn Lê Đình Quang	001917/QLQ	8/12/2020	Tổng giám đốc	Ban điều hành
2	Trần Thị Thủy Chung	001032/QLQ	11/1/2013	Nhân viên dự án	Kiểm soát nội bộ
3	Nguyễn Minh Cường	000922/QLQ	5/28/2013	Nhân viên dự án	Phân tich Tư vấn Đầu Tư
4	Phan Văn Thắm	001867/QLQ	1/15/2020	Nhân viên dự án	Phân tich Tư vấn Đầu Tư
5	Nguyễn Hữu Tuấn	000967/QLQ	6/20/2013	Nhân viên dự án	Quản Lý Danh Mục
6	Dương Thị Minh Châu	000921/QLQ	5/28/2013	Nhân viên dự án	Quản Lý Danh Mục

II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ban hành và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khỏan dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận các quỹ dự trữ:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công qy quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
- Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.
Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	**16.223.007**	**976.263**
Tiền gửi ngân hàng	**3.554.398.746**	**1.031.688.624**
+ Ngân hàng Eximbank - PGD Bến Thành	3.579.470	1.002.548.291
+ CTCP Chứng Khoán Bảo Minh	3.498.220.931	29.140.333
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam- CN NKKN	52.598.345	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	**3.570.621.753**	**1.032.664.887**

2 Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán kinh doanh	**21.005.208.507**	**16.946.628.900**
+ Chứng khoán niêm yết	21.005.208.507	16.946.628.900
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	**(977.717.300)**	**(123.164.100)**
Cộng	**20.027.491.207**	**16.823.464.800**

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

	Số cuối kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số đầu năm
a. Chứng khoán kinh doanh				
+ Chứng khoán niêm yết (*)	21.005.208.507	44.765.093.000	40.706.513.393	16.946.628.900
b. Đầu tư ngắn hạn khác				
Cộng	**21.005.208.507**	**44.765.093.000**	**40.706.513.393**	**16.946.628.900**

Ghi chú

(*) Chi tiết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
I. Chứng khoán kinh doanh	**922.549**	**21.005.208.507**	**1.138.749**	**16.946.628.900**
- Cổ phiếu				
+ Chứng khoán vốn đã niêm yết				
BMS	144.400	1.155.505.538	469.600	2.019.280.000
DBD	221.800	10.177.685.000	183.300	8.022.375.000
DCF	166.049	1.992.588.000	136.849	1.519.023.900
EIB	-	-	187.500	3.318.750.000
NAB	390.300	7.679.429.969	161.500	2.067.200.000
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết				
II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán				
III. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn				
Tổng cộng	**922.549**	**21.005.208.507**	**1.138.749**	**16.946.628.900**

3 Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	**1.357.400.000**	-
- Phải thu về giao dịch chứng khoán đầu tư	1.357.400.000	-
Trả trước cho người bán	**11.000.000**	-
- Khác	11.000.000	-
Phải thu khác	-	-
Cộng	**1.368.400.000**	-

4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (Công cụ dụng cụ)	47.072.376	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	-	300.000
Cộng	**47.072.376**	**300.000**

5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	152.754.233	-	**152.754.233**
2. Số tăng trong năm		261.162.000		261.162.000
3. Số giảm trong năm		(190.330.233)		(190.330.233)
4. Số dư cuối năm	-	**223.586.000**	-	**223.586.000**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	-	152.754.233	-	**152.754.233**
2. Khấu hao trong năm		21.195.663		21.195.663
3. Giảm trong năm		(157.097.696)		(157.097.696)
4. Số dư cuối năm	-	**16.852.200**	-	**16.852.200**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	**206.733.800**	-	**206.733.800**

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: 0 đ

6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phần mềm kế toán	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm		320.000.000		320.000.000
3. Số giảm trong năm		-		-
4. Số dư cuối năm	-	**320.000.000**	-	**320.000.000**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-
2. Khấu hao trong năm		8.774.193		8.774.193
3. Giảm trong năm		-		-
4. Số dư cuối năm	-	**8.774.193**	-	**8.774.193**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	**311.225.807**	-	**311.225.807**

7 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	283.800.903	-
Sữa chửa lớn Văn phòng	495.728.330	-
Chi phí thiết kế và bộ nhận diện thương hiệu Lighthousecapital	30.222.224	-
Chi phí sử dụng tên miền lighthousecapital.Com.Vn	2.728.000	-
Cộng	**812.479.457**	**-**

8 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Tiền cọc thuê văn phòng tầng 3, Nhà văn phòng Decofi	104.121.600	-
+ Tiền cọc vỏ bình nước	350.000	
Cộng	**104.471.600**	**-**

9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	110.000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	668.133.110	-
Thuế Thu nhập cá nhân	26.475.857	-
Cộng	**694.718.967**	**-**

10 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiền điện Quý 2 năm 2021	3.908.438	
Khác		22.727.273
Cộng	**3.908.438**	**22.727.273**

11 Phải trả phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	46.128.061	-
Cộng	**46.128.061**	**-**

12 Nguồn vốn chủ sở hữu:

a Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	**25.000.000.000**	-	-	-	**(7.847.817.643)**	**17.152.182.357**
Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	681.520.057	681.520.057
Giảm vốn trong năm trước						-
Số dư cuối năm trước	**25.000.000.000**	-	-	-	**(7.166.297.586)**	**17.833.702.414**
Số dư đầu năm nay	**25.000.000.000**	-	-	-	**(7.166.297.586)**	**17.833.702.414**
Tăng vốn trong kỳ						-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.870.038.120	7.870.038.120
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	35.187.027	35.187.027	-	70.374.054
Giảm vốn trong kỳ						-
- Giảm do trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	(112.598.486)	(112.598.486)
Số dư cuối kỳ	**25.000.000.000**	-	**35.187.027**	**35.187.027**	**591.142.048**	**25.661.516.102**

-

12 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	**2.500.000**	**2.500.000**
+ Số lượng cp đã phát hành	**2.500.000**	**2.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	**2.500.000**	**2.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi từ việc bán chứng khoán tự doanh	10.828.368.007	933.859.360
Lãi từ cổ tức được chia	274.950.000	192.400.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn và dự thu	1.417.841	293.929.310
Cộng	**11.104.735.848**	**1.420.188.670**

2 Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh	24.758.400	1.549.196.100
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.587.051.300	775.252.260
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(732.498.100)	(1.616.451.760)
Phí giao dịch chứng khoán và chi phí khác	144.720.207	95.750.283
Cộng	**1.024.031.807**	**803.746.883**

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	883.737.226	437.700.292
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	162.913.534	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.969.856	-
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.780.464	87.876.678
Chi phí bằng tiền khác	324.215.456	4.440.898
Cộng	**1.525.616.536**	**533.017.868**

4 Thu nhập và chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
4.1. Thu nhập khác	-	-
4.2. Chi phí khác	**16.616.275**	-
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.516.269	-
Chi phí khác	1.100.006	-

5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận trước thuế	**8.538.471.230**	**83.423.919**
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	**1.100.006**	
Chi phí khác không có hóa đơn	1.100.006	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	**274.950.000**	
Cổ tức mã CK DBD	274.950.000	
Chuyển lỗ các năm trước chuyển sang	**(4.922.455.687)**	**(83.423.919)**
Tổng thu nhập chịu thuế	**3.342.165.549**	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
+ Thuế TNDN phải nộp	668.433.110	
+ Thuế TNDN được miễn giảm		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**668.433.110**	

6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.870.038.120	83.423.919
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	42.224.432	
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.131**	**33**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số liệu tạm trích theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 06 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021.

14 Tài sản và khoản phải thu của Hợp đồng uỷ thác : không phát sinh

15 Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:

15.1- Hoạt động quản lý quỹ : không phát sinh
15.2- Hoạt động nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán : không phát sinh
15.3- Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán : không phát sinh
15.4- Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ : không phát sinh

16 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
16.1. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%):	0,85%	0,86%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	94,57%	100,00%
16.2. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	30,67%	0,47%
16.3. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	2,98%	0,13%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	2998,57%	78566,97%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	2,02%	0,00%

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan:
- Các thành viên của Hội đồng quản trị
- Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc
- Các thành viên của Ban Kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

- Tiền lương của các thành viên chủ chốt 06 tháng đầu năm 2021 là: 397.228.952 đồng

Giao dịch các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

2. Công cụ tài chính:

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs); Số liệu so sánh trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

Trần Quang Thái
Kế toán trưởng- Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 07 năm 2021

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp qui, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.